

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 22, 28-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Mỹ Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc H, sinh năm 1998 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến H1 và bà Nguyễn Thị H2; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày từ ngày 05/3/2021 đến nay “có mặt”.

2. Phạm Văn N, sinh năm 1999 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N1 và bà Thị Ph; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày từ ngày 29/01/2021 đến nay “có mặt”.

3. Nguyễn Viêt H3, sinh năm 1997 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Phú N, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn V và bà Phan Thị Nh; có vợ là Võ Ái Kiều Nh1 và có 02 người con sinh năm 2017 và sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

- *Người bị hại:* Nông Văn Th, sinh năm 1998 “có mặt”; Trú tại: thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Bà Lương Thị H4, sinh năm 1972 “có mặt”; Trú tại: thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1971 “có mặt”;

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970 “có mặt”;

4. Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1973 “có mặt”;

5. Bà Mai Thị Ph, sinh năm 1973 “có mặt”;

Cùng trú tại: thôn X, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

6. Ông Nguyễn Viết H5, sinh năm 1955 “có mặt”;

7. Bà Phan Thị Nh, sinh năm 1957 “có mặt”;

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã Phú N, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn 10, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Đoàn Duy H6, sinh năm 1997 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn 6, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

3. Ông Đoàn Hữu L1, sinh năm 1989 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn Đ, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn Đắc L, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

5. Bà Đào Thị Thanh Th1, sinh năm 2002 “có mặt”;

Trú tại: thôn Bù Xia, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

6. Ông Dương Văn Th2, sinh năm 1999 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh Bình Phước;

7. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1998 “có mặt”;

8. Ông La Minh H7, sinh năm 1995 “vắng mặt”;

Cùng trú tại: thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;

9. Ông Trần Văn Th3, sinh năm 1988 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn 4, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

10. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1994 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn Đắc L, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn 9, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

12. Ông Ngô Khánh D, sinh năm 1998 “vắng mặt”;

Trú tại: thôn Đắc L, xã O, huyện B, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/7/2020, Nông Văn Th, Dương Văn Th2, Triệu Văn T, Đào Thị Thanh Thùy và một số người bạn đến phòng số 4 dịch vụ Karaoke Sao Đêm ở thôn Đắc Lim, xã Đắc O, huyện B để hát Karaoke. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Viết H3, Đoàn Minh K, Đoàn Duy H6, đối tượng Th5 (*chưa rõ nhân thân lai lịch cụ thể*) và một số người bạn đến phòng số 1 dịch vụ Karaoke Sao Đêm để hát Karaoke. Trong lúc hát Karaoke, L sang phòng số 4 giao lưu, mời bia Toàn thì xảy ra mâu thuẫn, nên nhóm bạn của Toàn xô xát, đánh nhau với nhóm bạn của L, nhưng không có ai bị thương tích; sau đó L ra tính tiền hát Karaoke rồi cả nhóm ra về. Khi ra khỏi dịch vụ Karaoke Sao Đêm, lúc này H bức tức nên rủ cả nhóm đánh lại nhóm của Toàn để trả thù thì tất cả đồng ý. Sau đó, H3 điều khiển xe mô tô 67 (*không rõ biển kiểm soát*) chở N, H đi lấy dao rựa; còn Hiệp, L, Th5 dừng xe đứng chờ. Khi H3 điều khiển xe đến cầu sắt thuộc thôn 4, xã Đắc O thì N nói H3 dừng xe lại và đưa xe cho N để đi lấy dao rựa, còn H3 và H xuống xe đứng chờ. Sau đó, N điều khiển xe đi đến nhà Trần Văn Th3 ở gần đó lấy 02 dao rựa rồi quay lại chở H, H3 đến dịch vụ Karaoke Sao Đêm để đánh nhóm bạn của Toàn (*02 dao rựa của N cất giấu trước đó*). Khi đi đến bãi đất trống gần dịch vụ Karaoke Sao Đêm thì gặp K, L và Th5 tại đây thì N dừng lại. Lúc này, Th5 cũng đi mua thêm 03 dao rựa rồi quay lại chờ nhóm bạn của Toàn ra về sẽ đánh trả thù. Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày Thái điều khiển xe mô tô chở Th, Toàn điều khiển xe mô tô chở Thùy đi về. Lúc này N, H, K, Th5, H3 biết nhóm bạn của Toàn đi về đường khác; N điều khiển xe mô tô Winner (*không rõ biển kiểm soát*) chở H, Th5 mỗi người cầm theo một dao dũa, H3 điều khiển xe mô tô 67 chở theo K ngồi phía sau cầm theo một dao rựa rồi đi theo đường quốc lộ 14C hướng về xã Bù Gia Mập để tìm, chặn đường đánh nhóm bạn của Toàn, còn L do say rượu nên ở lại ới (nôn). Khi N, H, Th5, H3, K đi được một đoạn thì gặp Thái, Th, Toàn, Thùy đang đi theo hướng ngược chiều thì cả nhóm dừng xe lại. N, H, K, Th5 xuống xe mỗi người cầm một con

dao rựa, thấy vậy nhóm bạn của Toàn dừng xe và chạy bộ. Trên đường bỏ chạy Th bị ngã xuống đất, ngay lúc này K chạy đến dùng dao rựa chém nhiều nhát vào các vị trí lưng, tay trái của Th, Th đứng dậy tiếp tục bỏ chạy khoảng 5m thì bị ngã xuống đất trong tư thế ngồi, ngay lúc này H cũng vừa chạy đến liền dùng dao rựa chém 03 nhát trúng vào các vị trí lưng, tay pH của Th, Th đứng dậy tiếp tục bỏ chạy. Còn N, Th5 mỗi người cầm một dao rựa đuổi theo Toàn và Thái, thấy vậy H3 giật lấy dao rựa từ tay K rồi đuổi theo Toàn và Thái để chém nhưng không đuổi kịp. Sau đó, N, H, K, Th5, H3 lên xe bỏ trốn khỏi hiện trường. Còn Th được người dân đưa đi cấp cứu.

Ngày 02/7/2020, La Minh H7 nhật được 02 dao rựa (01 con dao rựa dài 69cm; cán bằng tre dài 49,5cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao dài 19,5cm sắc bên, bề ngang rộng 4,3cm, bề ngang hẹp 3,5cm; đầu dao bằng. 01 con dao rựa dài 82cm; cán bằng tre dài 57cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm sắc bên một bên, bề ngang rộng 4,4cm, bề ngang hẹp 3,2cm, mũi dao quắm nhọn về phía lưỡi dao) gần hiện trường rồi đem đến giao nộp cho Cơ quan Công an để phục vụ việc điều tra.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 227/2020/GĐPY ngày 03/9/2020 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương cẳng tay pH đứt gân cơ – bó mạch thần kinh trụ, gãy xương trụ đã phẫu thuật cố định ngoài xương gãy; di chứng tổn thương thần kinh giữa – thần kinh quay pH; sẹo 1/3 giữa cẳng tay pH kích thước 10 x 0,5 lổm: **39%**

=> Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ phía sau ra phía trước cẳng tay pH.

- Vết thương cẳng tay trái 1/3 giữa – sau đứt gân cơ đã phẫu thuật khâu nối; di chứng tổn thương không hoàn toàn thần kinh trụ trái. Sẹo kích thước 14 x 0,5cm lổm; sẹo 1/3 giữa xương quay trái: **15%**

=> Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ phía sau cẳng tay trái ra phía trước cẳng tay trái.

- Sẹo từ sau – trong vai pH kích thước 20 x 0,5cm lổm: **3%**

=> Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau ra trước (so với cơ thể bị hại).

- Sẹo sau lưng pH kích thước 20 x 0,5cm lổm: **3%**

=> Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau ra trước (so với cơ thể bị hại).

- Sẹo từ 1/3 dưới – sau cánh tay trái đến khuỷu trái kích thước 15 x 0,5cm lổm: **3%**

=> Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau cánh tay ra phía trước cánh tay.

2. Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể Nông Văn Th do thương tích gây nên hiện tại là **53%**.

Bản cáo trạng số 46/CTr-VKS ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N và Nguyễn Viết H3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N và Nguyễn Viết H3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Quốc H từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2021 cho đến nay.

Phạm Minh N từ 06 năm đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2021 cho đến nay.

- Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134, điểm d khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Viết H3 từ 06 năm đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiền điều trị thương tích là 60.875.169 đồng, thu nhập thực tế bị hại bị mất trong quá trình điều trị thương tích là 50.117.184 đồng; tiền tổn thất về tinh thần và tiền tổn thất về tinh thần, mất sức lao động theo quy định pháp luật.

Buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bà Lương Thị H4 chăm sóc bị hại điều trị thương tích là 38.896.200 đồng. Tiền thuê phương tiện vận chuyển đi cấp cứu là 3.200.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm a, c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 02 dao rựa (01 con dao rựa dài 69cm; cán bằng tre dài 49,5cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao dài 19,5cm sắc bén, bề ngang rộng 4,3cm, bề ngang hẹp 3,5cm; đầu dao bằng. 01 con dao rựa dài 82cm; cán bằng tre dài 57cm,

đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm sắc bén một bên, bề ngang rộng 4,4cm, bề ngang hẹp 3,2cm, mũi dao quắm nhọn về phía lưỡi dao) mà La Minh H7 giao nộp là công cụ mà các bị can chuẩn bị để gây thương tích cho người khác. Hiện giá trị sử dụng không lớn, do đó đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với dao rựa mà Nguyễn Quốc H và Đoàn Minh K dùng để gây thương tích cho Nông Văn Th, sau đó Nguyễn Viết H3 giật lấy cầm đuôi theo chém nhóm bị hại. Sau khi gây thương tích xong và trên đường bỏ chạy H, H3 đã vứt 02 dao rựa này không rõ ở vị trí nào, do đó Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với xe mô tô loại 67 của Nguyễn Viết H3 và xe mô tô loại Winner của Phạm Văn N. Sau khi sử dụng làm phương tiện phạm tội H3, N đã bán cho các đối tượng không rõ nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

Đối với Đoàn Minh K, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên ngày 08/5/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và quyết định truy nã đối với Đoàn Minh K, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn L có chuẩn bị dao rựa để gây thương tích cho người khác; tuy nhiên khi Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Đoàn Minh K, Nguyễn Viết H3 và đối tượng Th5 cầm dao rựa đi tìm nhóm bị hại để gây thương tích thì lúc này L ở bãi đất trống ới và từ bỏ ý định gây thương tích cho người khác vì sợ nhóm bị hại đánh trả, nên hành vi của L thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấp dứt việc phạm tội, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xử lý đối với L nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng Th5, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể, do đó Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Tại phiên Tòa các bị cáo H, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định. Bị cáo Nguyễn Viết H3 không thừa nhận bị cáo gây thương tích cho người bị hại Nông Văn Th.

- Tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại Th không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

- Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N và Nguyễn Viết H3 nói lời sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam về hành vi gây thương tích cho người bị hại Th, các bị cáo thấy rất ăn ă về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan, người làm chung không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo H3 cho rằng bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại Th. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai thừa nhận bị cáo là người điều khiển xe mô tô của bị cáo chở bị cáo H, bị cáo N đi lấy dao rựa sau khi được bị cáo H rủ đi lấy dao rựa để chém nhóm người của bị hại để trả thù. Sau đó, bị cáo H3 là người trực tiếp chở K đi chặn đường nhóm người của bị hại Th để đánh chém. Mặt khác, tại các biên bản làm việc xác nhận hiện trường gây án do camera của nhà dân ghi nhận (Bút lục số 230 - 233) xác nhận bị cáo H3 có mặt tại hiện trường gây án. Đồng thời, tại phiên tòa bị cáo H3 cùng thừa nhận hành vi giật dao rựa từ tay của K để đuổi đánh nhóm người bị hại Th nhằm mục đích giải vây cho bị cáo H và N. Mặc dù, bị cáo H3 không PH là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại Th nhưng trong vụ án này bị cáo H3 đồng phạm với vai trò giúp sức.

[2.2] Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định pháp y về thương của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Bình Phước; lời khai của các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quan và người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn nhỏ trong quá trình hát Karaoke, nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/7/2020, Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Nguyễn Viết H3, Đoàn Minh K và đối tượng Th5 đã chuẩn bị dao rựa là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho Triệu Văn T và nhóm bạn của Toàn. Khi thấy Triệu Văn T, Nông Văn Th, Dương Văn Th2, Đào Thị Thanh Thùy đang đi trên đường quốc lộ 14C thuộc thôn Đăk Lim, xã Đăk O, huyện B thì K, H sử dụng dao rựa chém nhiều nhất vào người bị hại Nông Văn Th gây thương tích với tỉ lệ 53%; còn N, H3, Th5 sử dụng dao đuổi chém Toàn và Thái nhưng không đuổi kịp.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Nguyễn Viết H3 so với những quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là rất nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì ý định đánh, chém bất kể người nào khi gặp được trong nhóm người của bị hại Th để trả thù cho việc bị cáo H bị đánh trong sân quán Karaoke Sao Đêm nên các bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện việc phạm tội.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của người khác và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, tổ chức, nhưng cần xem xét hành vi, vai trò của từng bị cáo. Trong đó, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo N, H3 cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H là người trực tiếp dùng dao rựa chém 03 nhất trúng vào các vị trí lưng, tay pH của người bị hại nên cần xử phạt bị cáo H mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với các bị cáo N, H3 sau khi được bị cáo H rủ đi đánh những người trong nhóm của bị hại Th các bị cáo đã đồng ý. Các bị cáo N, H3 cũng đã chuẩn bị công cụ là dao và cùng H đi thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù, các bị cáo N, H3 không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại Th nhưng các bị cáo đã giúp sức về mặt tinh thần cho bị cáo H thực hiện tội phạm nên cũng cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo nhưng thấp hơn bị cáo H.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, N đã thành khẩn, ăn năn khai nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với các bị cáo H, N sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H3, tại phiên tòa không có sự thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H3 là người lao động chính, đang nuôi con nhỏ, đã tác động gia đình hỗ trợ 10.000.000 đồng tiền thuốc chữa trị cho người bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo H3 được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, N, H3 là người trưởng thành đủ 18 tuổi, có đủ nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất côn đồ nên các bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[9.1] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa người bị hại Nông Văn Văn Th yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiền điều trị thương tích là 60.875.169 đồng; tiền thu nhập thực tế bị hại bị mất trong quá trình điều trị thương tích là 50.117.184 đồng; tiền tổn thất về tinh thần và tiền mất sức lao động là 246.911.447 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đối với yêu cầu của người bị hại Th yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích là 60.875.169 đồng; tiền thu nhập thực tế bị hại bị mất trong quá trình điều trị thương tích là 50.117.184 đồng, đây là những chi phí hợp lý và thu nhập thực tế của người bị hại đã bị mất. Do đó, đối với yêu cầu này của người bị hại Th được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.2] Đối với yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần và tiền mất sức lao động là 246.911.447 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do các bị cáo, người bị hại không thỏa thuận được nên số tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần được Hội đồng xét xử xác định theo quy định của pháp luật, cụ thể: mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng x 50 = 74.500.000 đồng.

[9.3] Hội đồng xét xử, xét thấy trong vụ án này bị cáo H là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại; các bị cáo N, H3 đồng phạm với vai trò giúp sức về mặt tinh thần. Do đó, cần xác định mức bồi thường của từng bị cáo tương ứng với mức độ lỗi của mỗi bị cáo. Bị cáo H là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên pH chịu mức bồi thường cao hơn các bị cáo N, H3, cụ thể các bị cáo pH bồi thường cho người bị hại Nông Văn Th: Bị cáo H pH bồi thường số tiền 74.196.941 đồng, bị cáo N pH bồi thường số tiền 55.647.705 đồng và bị cáo H3 pH bồi thường số tiền 55.647.705 đồng. Do bố, mẹ của bị cáo H3 đã hỗ trợ 10.000.000 đồng tiền thuốc chữa trị cho bị hại nên được khấu trừ vào số tiền bị cáo pH bồi thường cho người bị hại, số tiền còn lại bị cáo H3 tiếp tục bồi thường là 45.647.705 đồng.

[9.4] Tại phiên tòa người người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Lương Thị H4 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiền thu nhập thực tế trong thời gian chăm sóc bị hại bị mất trong thời gian điều trị thương tích là 38.896.200 đồng. Tiền thuê phương tiện vận chuyển đi cấp cứu là 3.200.000 đồng, tổng cộng là 42.096.200 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo H, N đồng ý bồi thường, bị

cáo H3 không đồng ý bồi thường. Xét thấy, đây là chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của bà Hòe trong thời gian chăm sóc người bị hại Th do hành vi gây thương tích của bị cáo gây ra, do đó cần buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho bà Hòe. Đồng thời như đã phân tích tại phần [9.3] nên cần buộc các bị cáo bồi thường theo mức độ lỗi của mỗi người nên bị cáo H pH bồi thường số tiền là 16.838.480 đồng, bị cáo N pH bồi thường số tiền là 12.628.860 đồng và bị cáo H3 pH bồi thường số tiền là 12.628.860 đồng.

[9.5] Đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Nguyễn Viết H5 đã hỗ trợ tiền thuốc chữa trị cho bị hại. Tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo H3 trả lại cho mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 dao rựa (01 con dao rựa dài 69cm; cán bằng tre dài 49,5cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao dài 19,5cm sắc bén, bề ngang rộng 4,3cm, bề ngang hẹp 3,5cm; đầu dao bằng. 01 con dao rựa dài 82cm; cán bằng tre dài 57cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm sắc bén một bên, bề ngang rộng 4,4cm, bề ngang hẹp 3,2cm, mũi dao quắm nhọn về phía lưỡi dao) mà La Minh H7 giao nộp là công cụ mà các bị can chuẩn bị để gây thương tích cho người khác. Hiện giá trị sử dụng không lớn, do đó tịch thu tiêu hủy.

- Đối với dao rựa mà Nguyễn Quốc H và Đoàn Minh K dùng để gây thương tích cho Nông Văn Th, sau đó Nguyễn Viết H3 giật lấy cầm đuôi theo chém nhóm bị hại. Sau khi gây thương tích xong và trên đường bỏ chạy H, H3 đã vứt 02 dao rựa này không rõ ở vị trí nào, do đó Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

- Đối với xe mô tô loại 67 của Nguyễn Viết H3 và xe mô tô loại Winner của Phạm Văn N. Sau khi sử dụng làm phương tiện phạm tội H3, N đã bán cho các đối tượng không rõ nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[11] Đối với Đoàn Minh K, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên ngày 08/5/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và quyết định truy nã đối với Đoàn Minh K, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[12] Đối với Nguyễn Văn L có chuẩn bị dao rựa để gây thương tích cho người khác; tuy nhiên khi Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Đoàn Minh K, Nguyễn Viết H3 và đối tượng Th5 cầm dao rựa đi tìm nhóm bị hại để gây thương tích thì lúc này L ở bãi đất trống ỏi và từ bỏ ý định gây thương tích cho người khác vì sợ nhóm bị hại đánh trả, nên hành vi của L thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấp dứt việc phạm tội, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xử lý đối với L nên không đề cập xử lý.

[13] Đối với đối tượng Th5, hiện chưa xác định được nhân thân lại lịch cụ thể, do đó Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên không xem xét.

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo pH chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N và Nguyễn Viết H3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 52, Điều 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Quốc H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính ngày 05/3/2021.

Phạm Văn N 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 52, Điều 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết H3 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 587 và 590 Bộ luật Dân sự

2.1. Buộc các bị cáo pH tiếp tục bồi thường cho người bị hại Nông Văn Th:

- Bị cáo Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền còn lại là 74.196.941 đồng;

- Bị cáo Phạm Văn N bồi thường số tiền còn lại là 55.647.705 đồng;

- Bị cáo Nguyễn Viết H3 bồi thường số tiền còn lại là 45.647.705 đồng;

2.2. Buộc các bị cáo pH bồi thường cho bà Lương Thị H4:

- Bị cáo Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền là 16.838.480 đồng;

- Bị cáo Phạm Văn N bồi thường số tiền là 12.628.860 đồng;

- Bị cáo Nguyễn Viết H3 bồi thường số tiền là 12.628.860 đồng;

Kể từ từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 02 dao rựa (01 con dao rựa dài 69cm; cán bằng tre dài 49,5cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao dài 19,5cm sắc bén, bề ngang rộng 4,3cm, bề ngang hẹp 3,5cm; đầu dao bằng. 01 con dao rựa dài 82cm; cán bằng tre dài 57cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm sắc bén một bên, bề ngang rộng 4,4cm, bề ngang hẹp 3,2cm, mũi dao quắm nhọn về phía lưỡi dao) mà La Minh H7 giao nộp là công cụ mà các bị cáo dùng để chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Phạm Văn N, Nguyễn Viết H3 mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Quốc H pH chịu 4.551.771 đồng; bị cáo Phạm Văn N pH chịu 3.413.828 đồng; bị cáo Nguyễn Viết H3 pH chịu 2.913.828 đồng.

5. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công

